

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGD-ST
Ngày 02 tháng 11 năm 2021
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Lê Quốc Cường**
2. Ông: **Lường Văn Vui**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đỗ Mạnh Huy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa:
Ông **Vũ Văn Tuấn** – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2021/TLST-HN&GD ngày 05 tháng 8 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị T**; sinh năm: 1992.

Nơi ĐKNKTT: Tổ X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản N, xã N, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt có lý do)

2. Bị đơn: Anh **Trịnh Ngọc T1**; sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: Tổ X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 01/8/2021 và tại bản tự khai ngày 05/8/2021 (bút lục số 30) của chị **Lò Thị T** trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh **Trịnh Ngọc T1** đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên vào ngày 20/10/2016. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện không chịu sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Trong quá trình chung sống tôi và anh T1 sống đầm ấm, hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do tính cách không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Các mâu thuẫn ngày càng gay gắt dù hai bên gia đình nội ngoại đã cố gắng hòa giải hàn gắn và khuyên răn nhưng mâu thuẫn không thuyên giảm mà có chiều hướng ngày càng gay gắt hơn. Mâu thuẫn giữa tôi và anh T1 càng ngày càng lớn đến nay vợ chồng chúng tôi

không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 01 năm 2020 đến nay tôi và anh T1 đã sống ly thân. Tôi chuyển về Nà Tấu, xã Nà Tấu, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên sinh sống. Nay tôi xét thấy đời sống chung giữa vợ chồng tôi không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là anh Trịnh Ngọc T1.

Về con chung: Tôi và anh Trịnh Ngọc T1 có 01 người con chung là cháu Trịnh Ngọc Bình A, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2017. Nguyên vọng của tôi về việc giải quyết con chung là sau khi ly hôn, tôi được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu anh Trịnh Ngọc T1 cấp dưỡng nuôi cháu A cùng với tôi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ thu về: Tôi và anh Trịnh Ngọc T1 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Nội dung đơn xin xét xử vắng mặt chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Ngọc T1. Về con chung chị T xin thay đổi yêu cầu là: Giao cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trịnh Ngọc Bình A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có như nội dung đơn khởi kiện và nội dung bản tự khai của chị đã trình bày.

*** Tại bản tự khai ngày 16/8/2021 và giấy ý kiến ngày 05/8/2021 Tại phiên tòa bị đơn anh Trịnh Ngọc T1 trình bày:**

Về hôn nhân: Ngày 20/10/2016 tôi và chị Lò Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi có về chung sống tại Tổ X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng tôi hòa thuận, đầm ấm, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Tôi xét thấy vẫn còn tình cảm với chị Lò Thị T nên tôi có nguyện vọng hai vợ chồng quay về đoàn tụ. Nhưng tại phiên tòa hôm nay tôi (T1) sau một thời gian hàn gắn tình cảm không thành, nay tôi xét thấy không còn tình cảm nên cũng nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Tôi và chị Lò Thị T có 01 người con chung là cháu Trịnh Ngọc Bình A, sinh ngày 26/ 8/2017. Hiện nay cháu đang sống cùng tôi tại Tổ X, thị trấn M, huyện M. Quan điểm của tôi T1 về việc giao nuôi con chung là: Nếu hai vợ chồng không về chung sống cùng nhau được thì tôi có nguyện được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trịnh Ngọc Bình A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Nhưng tại phiên tòa chị T thay đổi người trực tiếp nuôi con giao cháu A cho tôi trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng tôi cũng nhất trí.

Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; tài sản riêng; về nợ phải trả, nợ lấy về: Tôi và chị Lò Thị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hôn nhân:** Tuyên bố chị Lò Thị T được ly hôn anh Trịnh Ngọc T1.

- **Về con chung:** Giao cháu Trịnh Ngọc Bình A, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2017 cho anh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về:** Đương sự không yêu cầu.

- **Án phí:** Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lò Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 05/8/2021 Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án dân sự về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa nguyên đơn là chị Lò Thị T và bị đơn anh Trịnh Ngọc T1. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án, tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật nhưng nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác, anh T1 có mặt tại phiên họp.

Ngày 05/8/2021 chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 16/9/2021 Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng nhận được đơn phản tố của anh Trịnh Ngọc T1. Tiêu đề là “Đơn phản tố” nhưng nội dung đề nghị Tòa án giải thích việc chị T vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án đã giải thích và giải quyết việc vắng mặt chị T là do chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đồng thời Tòa án đã phê đơn giao đơn xin vắng mặt cho anh T1 vào ngày 15/9/2021. Nên Tòa án giải quyết vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228 bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn là chị Lò Thị T vắng mặt có lý do (chị T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 22/10/2021; Tòa án nhận được ngày 02/11/2021); Bị đơn là anh Trịnh Ngọc T1 có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Trong quá trình giải quyết anh T1 là bị đơn không có ý kiến cũng như đơn phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn, tại phiên tòa anh T1 có ý kiến: Tôi nhất trí với ý kiến của chị T về hôn nhân, con chung và tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về.

[2] Nội dung vụ án:

* **Về hôn nhân:** Chị T và anh T1 đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên vào ngày 20/10/2016. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện không chịu sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Trong quá trình chung sống chị T và anh T1 sống đầm ấm, hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do tính cách không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Các mâu thuẫn ngày càng gay gắt dù hai bên gia đình nội ngoại đã cố gắng hòa giải hàn gắn và khuyên răn nhưng mâu thuẫn không thuyên giảm mà có chiều hướng ngày càng gay gắt hơn. Từ tháng 01 năm 2020 đến nay chị T và anh T1 đã sống ly thân. Chị T đã chuyển về Bản N, xã N, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Từ khi chị T bỏ đi anh T1 không liên lạc được, anh T1 và chị T không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy vợ chồng chị T, anh T1 đã sống ly thân đã lâu, không còn tình yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của của chị Lò Thị T. Tuyên xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Trịnh Ngọc T1.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Trịnh Ngọc T1 có 01 người con chung: Trịnh Ngọc Bình A, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2017.

Nguyện vọng của chị T sau khi ly hôn giao cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trịnh Ngọc Bình A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Cháu A đang sống ổn định cùng anh T1 từ khi vợ chồng chị T, anh T1 sống ly thân, cháu vẫn còn nhỏ nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị T về việc giao nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về:** Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T; Chị Lò Thị T được ly hôn anh Trịnh Ngọc T1.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Ngọc Bình A, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2017 cho anh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Thời điểm giao nuôi cháu Trịnh Ngọc Bình A cho anh T1 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch. Chị T đã nộp đủ

300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AB/2010/01880 ngày 04/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

5. Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Anh T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lò Thị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND thị trấn M, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân